

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 9157/12-25

Mã mẫu: 2511NT1735 (473/11-25) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH MIỀN NAM
Đơn vị được lấy mẫu : TRẠM CẤP KHÍ TRUNG TÂM KCN THUẬN ĐẠO LONG AN
Địa chỉ lấy mẫu : Lô số 5, đường số 11, KCN Thuận Đạo mở rộng, Xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/11/2025 **Ngày trả kết quả**: 10/12/2025
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : Nước thải tại vị trí đầu nổi

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,75	5,5 – 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	36	100
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	34	50
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	73	150
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,07	10
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	<9,0	40
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,54	6
8	Tổng Coliform ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2023	21 x 10 ²	5000

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 8781/12-25

Mã mẫu: 2511NT1520 (398/11-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH MIỀN NAM
Đơn vị được lấy mẫu : TRẠM TRUNG TÂM MỸ PHƯỚC 3
Địa chỉ lấy mẫu : Lô D-5J-CN, đường NE8, KCN Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 22/11/2025 **Ngày trả kết quả**: 09/12/2025
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : Nước thải tại hố ga

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,31	5,5 – 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6	100
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	13	50
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	25	150
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH MDL=0,6	10
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	<9,0	40
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,31	6
8	Tổng Coliform ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2023	8,2 x 10 ²	5000

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

